

ĐẠI BÁT-NIẾT-BÀN KINH SỚ

QUYỂN 28

PHẨM 24: CA-DIỆP (PHẦN 1)

Vì đầu tiên đã khéo nêu lên các câu hỏi, nay muốn cho lúc cuối cùng cũng khéo léo như thế, nên lại phải nêu câu hỏi. Ở trước thuận theo nghĩa mà đặt tên phẩm, cho nên gọi là phẩm Ca-diếp. Ngài Ca-diếp thì như trước đã nói.

Khai Thiện cho phẩm này là trả lời câu hỏi về tánh an vui ở trước. Các sư Địa Luận thì cho đây là Từ quang thiện xảo trụ trì phần. Hà Tây và Hưng Hoàng đều cho đây là môn Phật tánh. Còn ở đây cho là phần thứ năm nói về Dụng của Niết-bàn. Kinh này từ đầu đến cuối đều nói về Phật tánh, phẩm này có gì khác với phẩm trước? Xin nêu lên năm điểm khác nhau:

1/ Nghĩa Dụng khác nhau: Phẩm trước nói nghĩa Phật tánh Trung đạo là hạt giống Bồ-đề, phẩm này nói về dụng cao quý của Phật tánh có công năng nhiếp phục Nhất-xiển-đề cực ác và ngoại đạo tà chấp.

2/ Nhân quả khác nhau: Phẩm trước nói về Nhân tánh trụ ở nhân, chẳng ở quả; quả tánh quả quả tánh trụ ở quả, chẳng ở nhân; phẩm này nói tất cả các ấm ác đều là Phật tánh, đó tức là nhân tánh, từ năm ấm ác mà sinh ra năm ấm thiện, tức là quả tánh. Lại nói rằng Phật tánh có ba đời. Xưa nay có người giải thích quả tánh chung cho ba đời là Ứng thân Phật tánh, chẳng thông với ba đời là Pháp thân Phật tánh, nghĩa này chẳng đúng, chỉ nói về quả tánh chung cho nhân quả, đâu cần phân biệt pháp thân và Ứng thân. Nếu Phật tánh của năm ấm thiện chung cho nhân quả, thì Phật tánh trong nhân thuộc về ba đời, Phật tánh trong quả chẳng thuộc ba đời.

3/ Là khai hợp khác nhau: Phẩm trước nói sông sinh tử hợp với nhân quả mà lia ba Thừa; phẩm này nói sông Niết-bàn lia bốn quả mà hợp với Ba Thừa.

4/ Là chung riêng khác nhau: Phẩm trước là nói chung năm loại

Phật tánh, trời người sáu đường đều có Phật tánh. Phẩm này chỉ nói về chánh nhân Phật tánh, do chánh nhân mà Xiển-đề lại sinh ra gốc thiện. Phẩm trước chỉ y cứ theo muôn điều thiện là liễu nhân Phật tánh; phẩm này y cứ theo cả thiện và ác, đều là Phật tánh. Vì thế nói người gốc thiện có, Nhất-xiển-đề không có, người xiển-đề có, người gốc thiện không có.

Năm, phẩm trước đối bảo với một người, phẩm này đối bảo với Ca-diếp. Chỗ sai khác rất nhiều.

Toàn phẩm chia làm hai:

1/ Nhiếp ác

2/ Nhiếp tà

- Trong nhiếp ác lại có hai:

1/ Nói về dụng của Phật tánh.

2/ Khen ngợi kinh.

- Nói về dụng lại có hai:

1/ Nói về dứt gốc thiện.

2/ Nói về sinh điều thiện. Vì năng lực luống dối nên cắt đứt điều thiện, nhờ sức Phật tánh nên sinh ra điều thiện. Xưa cho rằng hai người làm ác và sinh điều thiện đắp đổi nhau, nhưng không liên quan. Có sư lại cho rằng chỉ có một người, lúc trước do điên đảo nên khởi ác, sau gặp bạn tốt nên sinh ra điều thiện.

Nay cho rằng các thuyết đều chẳng đúng, hoặc có thể là một người, có thể là nhiều người, như bảy hạng người bên sông Hằng tức là nhiều người. Nếu là một người thì từ mới chìm cho đến thành Phật chỉ là một người. Xưa cho rằng sinh điều thiện có nghĩa là tiếp thức, nghĩa là chúng sinh từ hang vô minh thức ở giới ngoại, mới khởi một phẩm vô minh, chưa khởi bốn trụ, nếu có Phật tiếp dẫn đi thì liền được thành Phật. Nghĩa này rất chướng ngại, đâu có kinh này nhưng cũng là nhất thời đổi ác làm duyên, nếu không có kinh này thì hoàn toàn không thể y cứ. Nếu nói phải khởi năm trụ rồi mới có thể bỏ ác làm thiện, thì cũng không có một kinh nào nhất định nói như thế, đâu có kinh này thì cũng là nhất thời làm duyên mà thôi. Nếu thế thì mặc tình khởi cực ác rồi tự do “bị tiếp”, đâu cần phải tu đạo, chẳng khác gì với việc trải qua tám muôn kiếp đắc đạo? Nếu nói từ hang thức mà đến, tức từ vô minh mà ra, sao lại nói mới khởi một phẩm vô minh? Nếu chưa khởi hoặc thì lẽ ra nên sinh vào một nơi khác; nếu từ trong hang vô minh mà ra, mới khởi một phẩm mà bị tiếp, thì sau khi khởi các phẩm khác cho đến bốn trụ, vì sao lại không bị tiếp? Cho nên thật khó tin. Nếu vậy thì chẳng cần tu.

Ở trên đã mấy lần phá nghĩa này. Nếu nhờ năng lực Phật tánh mà tự tại được Bồ-đề, chẳng cần tu tập thì chính là phá nghĩa này. Xưa nói Thiện Tinh không có nơi phát ra dấu vết, thật là người ác, nghĩa này chẳng đúng, tuy chưa thấy nghĩa kinh, nhưng suy ra biết là quyền, vì sao? Vì hai người con và hai người em của Phật, mỗi người đều có thiện ác. A-nan là thiện, Điều-đạt là ác, đều là quyền lập, nay La-vân là thiện, Thiện tinh là ác, so sánh mà biết cũng là Quyền.

Văn nói về dứt mất thiện có ba: Một là nói về người dứt mất thiện; hai là nói về tướng dứt mất thiện; ba là nói về kiến dứt mất thiện. Người dứt mất thiện tức là Thiện Tinh, tướng đoạn thiện tức căn tánh bất định nghe giáo bất định chấp là định. Kiến giải đoạn thiện, tức phân biệt suy tìm đạo lý các pháp.

Trong phẩm nói về người, gồm có hỏi và đáp. Hỏi có hai: Trước nói về duyên khởi, sau là chánh thức hỏi.

Về duyên khởi có hai: Một, là nói Phật có đức năng hóa; hai, nói Thiện Tinh có duyên được giáo hóa. Nói đức của Phật có hai câu: một, nói bên trong có Từ bi; hai, là bên ngoài có Phương tiện. Thứ nhất như văn kinh.

Thương là đại Từ, xót là đại Bi. Kế là từ câu: “Điều phục v.v...” trở xuống, nói về phương tiện bên ngoài, có bảy câu.

Từ câu: “Tỳ-kheo Thiện Tinh v.v...” trở xuống là nói duyên được giáo hóa. Thứ nhất nói như con. Thiện Tinh là anh của La-vân, đây là duyên quan trọng.

Nói sau khi xuất gia là đã có tín giới, thọ trì mười hai thể loại kinh là có tuệ, dứt trừ kết sử cõi Dục đạt được Tứ thiên là Định. Đây đủ Ba học, há chẳng phải là nhân sâu xa ư?

Từ câu: “Vì sao Như Lai v.v...” là chánh thức hỏi. Trước là hỏi hai việc, sau là kết luận. Hỏi vì sao nói Thiện Tinh là người ác, sau hỏi vì sao chẳng nói pháp trước.

Thứ nhất lại có hai: Một là hỏi vì sao nói Xiển-đề là nhân ác.

Kế là hỏi vì sao ở địa ngục một kiếp là quả ác.

Từ câu: “Vì sao Như Lai v.v...” trở xuống là thứ hai, hỏi đã có duyên sâu với Như Lai, vì sao trước kia chẳng nói pháp?

Từ câu: “Như Lai Thế Tôn! v.v...” trở xuống là kết luận hai câu vặn hỏi ở trên. Từ câu: “Vì sao được gọi v.v...” trở xuống là câu thứ nhất.

Phật có lòng từ bi vì sao nói Thiện Tinh là người thấp hèn, ở địa ngục cả kiếp, nếu nói thì biết không có lòng Từ bi.

Kế là kết luận câu hỏi sau.

Phật trước đã không nói pháp, vì sao gọi là Đại phương tiện? Nếu có phương tiện thì lẽ ra nên nói pháp.

Phật đáp, chẳng đáp về duyên khởi, chỉ đáp hai câu hỏi và hai câu kết luận. Trước đáp câu sau, sau đáp câu trước. Thứ nhất là nêu bảy dụ, sáu dụ trước nói duyên có sâu cạn, nên nói pháp có thứ lớp, một dụ sau nói tâm Phật bình đẳng, nên bình đẳng nói, không nghiêng về bên nào. Trong sáu dụ trước, mỗi dụ đều có ba: một là nêu dụ để hỏi, hai là kể việc phụng đáp, ba là hợp dụ để giải thích.

Vì sao có thứ lớp ba hạng người này? Có người giải thích rằng: Đầu tiên Đức Phật nói năm giới Nhân thừa Thiên thừa cho Đề-vi, Văn Lân, Cổ Long nghe, kế là đến vườn Nai nói Tứ đế cho Nhị thừa nghe, sau cùng là nói giáo Phương Đẳng cho Bồ-tát nghe, đây là giáo Tiểu thừa làm đầu tiên; nếu nói lúc mới thành Phật dùng thân Xá-na giáo hóa, thì đầu tiên chiếu rọi trên núi cao, kế đến chiếu xuống bình nguyên, đây gọi là lấy Đại thừa làm đầu tiên. Nay ý văn này bao gồm trước sau, lấy núi cao làm đầu, Văn Lân làm giữa và Song Lâm làm cuối. Những người con thứ ba tuy có cực ác, nhưng vì đồng thể nên phải chỉ dạy. Ruộng bậc hạ tuy xấu, nhưng vì gia nghiệp nên phải gieo trồng chẳng thể bỏ; thau tuy vỡ, nhưng phòng khi dùng gấp; bệnh tuy sẽ chết, nhưng vì thân thuộc phải trị; ngựa tuy già, nhưng cũng có thể thay ngựa mệ; người tuy có thấp hèn, nhưng vì trí bình đẳng, nên chẳng bỏ.

Sáu dụ trước tuy có khác nhau, nhưng ý nghĩa thì chẳng khác, mà ý còn chưa hiển bày, đến dụ thứ bảy văn mới hiển rõ ràng. Nêu Sư tử đầu đàn chẳng xem trọng voi mà khinh loài thỏ, đều ra sức đối trị, dụ cho việc chẳng xem trọng điều thiện, xem nhẹ điều ác, đều vận sức từ bi. Nếu nhìn theo lớn nhỏ thì với voi chẳng đủ, với thỏ có dư, nếu xét theo sức lực thì đối với voi cần phải nhanh, đối với thỏ thì từ từ. Nay Sư Tử Vương này đều đối trị bình đẳng với cả hai không khác. Nếu xét theo duyên thì đối với Bồ-tát chỉ dạy nghĩa sâu xa, đối với Thanh văn chỉ dạy nghĩa cạn mỏng, đối với Nhất-xiển-đề chỉ dạy đạo thế gian. Đức Phật chẳng phân biệt hai ba, đối với tất cả đều bình đẳng đại bi.

Từ câu: “Bấy giờ v.v...” trở xuống là đáp câu hỏi của kia, hỏi có hai câu: Trước trả lời về Xiển-đề, sau là đáp ý ghi nhớ. Đầu tiên đáp về việc Xiển-đề tự cho có Tín, tuệ, định; ra sức bác bỏ câu hỏi này; không chấp nhận có, để nói Xiển-đề không có Tín tâm. Văn có ba: Một, không tin Phật là bậc Vô Sở Úy; hai là từ câu: “Một thuở nọ ta ngự tại nước Ca-thi v.v...” trở xuống là nói không tin Phật là bậc không còn nó đối;

ba là từ câu: “Một thuở nọ, ta cùng với v.v...” trở xuống, nói không tin Phật là người không ganh ghét.

Thầy nói xuất gia là nói lên có tín tâm, nên nay nêu lên ba việc để nói lên tâm vô tín.

Khi Đức Phật đi thì chân cách mặt đất bốn tấc (12 cm), hình bánh xe ngàn căm thường hiện rõ ở dấu chân, mọi người đều muốn nhìn thấy, nhưng thường bị xóa bỏ, nay Thiện Tinh đã không xóa mà còn bỏ con trùng chết vào dấu chân Phật, khiến cho vô lượng người nghĩ là Phật giết hại.

Quả báo của người và quỷ khác nhau, mà lại thấy rõ ràng, còn hỏi đáp qua lại, há người thật ác mà làm được ư? Do đó nghiệm biết là quyền hiện mà thôi.

Từ câu: “Tỳ-kheo Thiện Tinh v.v...” trở xuống là nói không có tuệ.

Chỉ biết văn tự mà không hiểu nghĩa thì không có tuệ.

Từ câu: “Gần gũi v.v...” trở xuống là đoạn ba, nói không có định. Văn có hai: Một là nói tuy đã được mà sao lại mất, nên nói là không có định.

Từ câu: “Do mất v.v...” là tổng kết khởi tà kiến nên mới nói trước.

Từ câu: “Này người Thiện nam! v.v...” trở xuống là đáp câu hỏi về ý nghĩa nói trước. Văn có hai: Trước nói về ý nghĩa nói trước, sau nói chẳng thể chữa trị.

Vì Thiện Tinh chắc chắn phải đọa, nên ta nói trước, để chứng minh cho tướng chắc chắn đọa nên cùng đến xem. Thấy Phật khởi tâm ác đọa vào địa ngục thì việc chắc chắn, đọa địa ngục đã rõ. Đến chỗ Thiện Tinh ở, hoặc cho rằng sự thật có đến, hoặc do năng lực chẳng thể nghĩ bàn bất động là đến.

Từ câu: “Thiện Tinh tuy đọa vào v.v...” trở xuống là nói về người chẳng thể chữa trị. Do buông lung, nên chẳng thể trị, chỉ vì thương xót mà thôi. Văn có pháp, dụ và hợp.

Hợp dụ có hai phen, mỗi phen đều có chánh hợp và dùng dụ để hợp.

Từ câu: “Từ xưa v.v...” trở xuống là đáp hai câu kết. Đầu tiên là đáp câu không có tâm từ bi, lại có hai là chánh đáp và phân biệt. Phần chánh đáp có pháp, dụ và hợp.

Thứ hai hỏi đáp để phân biệt, có hai: Trước là hỏi, sau là đáp.

Trước là chánh đáp.

Kể là dẫn việc xưa để hiển rõ. Dẫn việc nói trước của Mục-kiền-liên chẳng phải hoàn toàn đúng. Mục-kiền-liên chỉ thấy trước khi mưa, mà chẳng thấy biết sau đó bị Tu-la tiếp nước đổ xuống biển. Chỉ thấy đầu trắng, chẳng thấy thân có vằn, Như Lai thì chẳng phải như thế, nên nói là không hai.

Từ câu: “Tỳ-kheo Thiện Tinh v.v...” trở xuống, trả lời câu hỏi về phương tiện. Ta thường ở bên Thiện Tinh, chẳng bao giờ rời xa, vì sợ Thiện Tinh làm ác, vì sao nói không có phương tiện? Giải lực thứ năm là dụng lực, biết rõ ý muốn của chúng sinh.

Từ câu: “Bạch Thế Tôn! v.v...” trở xuống là đoạn hai, nói về việc dứt mất gốc thiện. Văn có ba: Một, là nói về dứt mất gốc thiện; hai nói về căn tánh bất định, cho nên dứt; ba vì thuyết giáo bất định cho nên dứt. Thứ nhất có năm phen hỏi đáp. Phen thứ nhất là Phật đáp.

Vì cắt đứt gốc thiện, nên không có gốc thiện. Các Sư Số Luận cho rằng: “Hàng Xiển-đề khởi tà ác, vô ngại dứt các gốc thiện, như đạo vô lậu vô ngại dứt phiền não”. Nếu thế thì rốt cục chẳng thể nào còn sinh thiện, vì sao kinh nói lại được sinh thiện? Vậy nghĩa này chẳng đúng. Trong thân Xiển-đề có ác chướng nặng, gốc thiện chẳng thể phát khởi. Đây là bị ngăn che, nên thiện chẳng sinh, mai sau nếu ác dần dần trừ thì thiện lại sinh, nên nói là gốc thiện lại sinh.

Hỏi: Hàng Nhất-xiển-đề có thiện để dứt hay không có thiện để dứt.

Đáp: Có đủ hai nghĩa ấy. Vì người này trước đã làm thiện, sau gặp bạn ác, nên dứt mất gốc thiện ấy, nên nói có thiện để dứt. Còn lúc trước đã làm ác, hoàn toàn chưa có gốc thiện, mà nghiệp ác sắp diệt, nghiệp thiện sắp sinh, nhưng lại khởi chướng làm cho nghiệp thiện chẳng sinh, nên gọi là không có điều thiện để dứt?

Văn nói chúng sinh đều có năm căn như tín v.v... mà Xiển-đề đã đoạn diệt, Tương Thừa giải thích rằng: “Chúng sinh theo lý thì đầy đủ năm căn như tín v.v... , chúng sinh ngoài lý thì điên đảo luống dối, nên không có năm căn”. Nghĩa này chẳng đúng, chúng sinh ngoài lý cũng có tín, v.v... Xiển-đề đã là chúng sinh ngoài lý khởi ác, dứt bỏ năm căn này, nhưng chúng sinh làm ác đã có Phật tánh thì lẽ ra cũng sinh ra năm căn, Sự tuy chưa hiển, mà về nghĩa đã có, nên nói “Tất cả chúng sinh đều có”.

Kinh nói: “Giết Xiển-đề không phạm tội sát, giết muỗi kiến thì có tội”, vì Xiển-đề có nghiệp ác nặng ở thân nên giết không tội, muỗi kiến không có tội ác nặng, nên giết thì có tội. Kinh ghi: “Bố thí cho súc sinh

thì được phước một trăm lần, bố thí cho Xiển-đề được phước một ngàn lần”. Vì Xiển-đề ở quá khứ tu tập năm giới, chiêu quả báo nay được thân người, nếu bố thí thì được phước nhiều hơn bố thí cho súc sinh. Các súc sinh ở quá khứ làm ác nên đời này chiêu cảm báo thân súc sinh, vì thế bố thí thì được phước ít.

Từ câu: “Bạch Thế Tôn! v.v...” trở xuống là phen hỏi đáp thứ hai. Thứ nhất là hỏi, xác định.

Lời đáp rất dễ hiểu.

Từ câu: “Tất cả chúng sinh v.v...” trở xuống là phen hỏi đáp thứ ba.

Hỏi: Xiển-đề chẳng dứt thiện ở vị lai, vì sao nói là dứt mất thiện?

Đoạn thứ hai là hiện diệt và chướng vị lai. Nếu hiện tại khởi ác thì pháp thiện chẳng sinh, nên nói là hiện diệt. Hiện tại đã làm ác, thì ngăn chặn khiến pháp thiện ở vị lai chẳng thể sinh, nên nói là dứt vị lai. Cũng có dứt ba đời, nếu quá khứ làm ác mà chẳng sám hối, tức không có thiện; vị lai lại có nghĩa sinh thiện, nhưng yếu kém chẳng thể cứu vượt nổi.

Từ câu: “Bạch Thế Tôn! v.v...” trở xuống là phen hỏi đáp thứ tư, nói chẳng dứt Phật tánh.

Phật tánh chẳng thuộc bà đời vì sao nói là vị lai?

Từ câu: “Nếu Như Lai v.v...” là thứ hai hỏi về Xiển-đề.

Nếu nói Xiển-đề hoàn toàn không có pháp thiện, vì sao lại có tâm yêu thương, nếu có tâm ấy thì đã có thiện.

Từ câu: “Đức Phật đáp v.v...” trở xuống là lời đáp. Trước đáp câu hỏi thứ nhất, kế là nói nghĩa. Đáp câu thứ nhất có hai: Trước khen câu hỏi, kế là chánh đáp. Tánh chẳng thuộc ba đời, nhưng y cứ vào nghĩa vị lai sẽ được nên nói là vị lai, vì thế văn sau nói nhân là quả, nói quả là nhân, Phật tánh cũng như thế, nói ở vị lai là nói quả trong nhân.

Nói Thực và Xúc tức là nói Thực thì có thể tự biết, còn tên xúc thì khác nhau, hoặc lấy Thực làm Xúc. Ở đây có đủ hai nghĩa, nên luận nói: “Vì Xúc bất định nên không có pháp riêng”, nếu ý thức ở duyên mà gọi là Xúc, thì Xúc này ở tại Thực; nên nói nhãn thức nhãn xúc, thì xúc này ở nơi tưởng; nay nói thấy sắc là xúc, thì đó là Thực tâm lấy sắc làm Xúc. Vì sắc là tiền trần làm sinh ra thức xúc, nên nói sắc là xúc, cũng là trong nhân nói quả.

Từ câu: “Bạch Thế Tôn! v.v...” trở xuống là thứ hai, nói về nghĩa, trước hỏi sau đáp.

Câu hỏi này nhân lời dạy của Phật ở trước mà có, Phật tánh chẳng thuộc ba đời, vì sao nói chúng sinh đều có?

Phật nói tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, giống như hư không, mà các chúng sinh chắc chắn có tánh này, nên vẫn nói: “Đều có”.

Từ câu: “Như lời thầy nói v.v...” trở xuống là trả lời câu hỏi thứ hai. Thứ nhất là lặp lại câu hỏi và bác bỏ ngược lại.

Từ câu: “Vì sao? v.v...” trở xuống là chánh đáp, có pháp, dụ và hợp.

Nói tuy có các điều thiện như từ, hiếu, nhưng đều là tà nghiệp, tuy có thấy nghe nhưng đều vô ký. Đã không có chánh thiện, thì đều gọi là tà ác. Thủ nghiệp, cầu nghiệp là đối với pháp thiện. Trong pháp thiện thì trước sinh thiện dục, kế là sinh thiện tư, nay lấy thủ nghiệp đối lại với thiện dục, cầu nghiệp đối với thiện tư. Tuy nói là thiện, nhưng chính là vô ký.

Trong dụ nêu lên cây Ha-lê-lặc chỉ thuần một vị đắng, còn sắc và hương thì chẳng phải đắng; nhưng trước hỏi Xiển-đề há không có điều thiện ư? Họ có tâm thương yêu, ắt là có điều thiện! Cho nên Phật đáp rằng đều là tà ác. Trang Nghiêm cho rằng: “Không có điều thiện xuất thế, có điều thiện thương yêu”. Quang Trạch cho rằng: “Dù có lòng thương yêu thì cũng đều là tánh vô ký, chẳng gọi là tánh thiện. Như đánh cờ viết nhữ v.v... là Công xảo vô ký”. Khai Thiện cho rằng: “Dứt thiện làm ác, dẫu có lòng thương yêu, thì cũng thuộc tà ác, đâu được gọi là thiện”. Các sư Trung Quán đồng ý với Khai Thiện cho rằng: Nghiệp ác nặng mang ở thân, như trồng dưa đắng, rễ lá đều đắng.

Hợp dụ, như văn ghi.

Từ câu: “Này Thiện nam! v.v...” trở xuống là đoạn hai nói về căn tánh bất định, hoặc ác hoặc thiện. Văn có hai: Một là nói về bất định, hai là hỏi đáp nói về nghĩa. Nói bất định có hai ý là nói về bất định và dứt mất gốc thiện. Thứ nhất lại có ba: Một là biết căn bất định; hai là nêu tướng bất định; ba kết luận về bất định

Thứ hai là nêu tướng.

Thường tu tập thì thành lợi căn, chuyển hạ thành trung thượng; chẳng tu tập thì độn, chuyển thượng thành trung hạ.

Thứ ba là kết luận.

Từ câu: “Vì không định v.v...” trở xuống là nói về bất định nên dứt mất gốc thiện. Văn có ba: một là nói bất định, dứt mất thiện.

Kế là nói nếu chắc chắn thì chẳng phải như thế.

Từ câu: “Vì thế v.v...” trở xuống là chứng minh cho bất định.

Từ câu: “Ca-diếp bạch Phật v.v...” trở xuống là phần nói nghĩa.

Phật đáp có hai: Một là y cứ theo Thiện Tinh; hai là y cứ theo người khác. Chẳng những biết căn tánh của Thiện Tinh, mà còn biết căn tánh của người khác. Thứ nhất lại chia làm ba đoạn: một, nói Thiện Tinh ở vương vị thì có khả năng phá diệt.

Từ câu: “Thiện Tinh v.v...” trở xuống là thứ hai, nói xuất gia hay chẳng xuất gia đều dứt trừ gốc thiện. Xuất gia thì tăng tâm cung kính, phát triển các pháp thiện như tu thiền định, đọc tụng v.v... như trên đã nói.

Từ câu: “Nếu ta chẳng cho v.v...” trở xuống là đoạn ba, kết luận tri căn lực.

Kế là từ câu: “Phật xem chúng sinh v.v...” trở xuống là y cứ theo nhưng người khác mà trả lời. Văn có hai: một, là nói về bất định; hai, là nói theo nổi chìm. Thứ nhất lại có ba: Một, là nói việc về dứt mất gốc thiện.

Hai, Từ câu: “Vì sao? v.v...” trở xuống là nói dứt mất thiện.

Thứ ba, từ: “Vì nhân duyên này v.v...” trở xuống là kết thúc về dứt mất thiện.

Từ câu: “Như Lai lại biết v.v...” trở xuống là nói về sinh thiện. Có pháp, dụ và hợp, thứ nhất là pháp thuyết.

Suối dụ cho Phật tánh, làng xóm dụ cho ấm thân, khát nước dụ cho khổ ép ngặt, muốn đi đến là dụ cho tâm cầu an vui, người trí là dụ cho Phật, Bồ-tát.

Hợp dụ, trước là hợp.

Sau lại kết luận biết căn lực.

Từ câu: “Bấy giờ v.v...” trở xuống là nói về lên xuống khác nhau, xuống thì nhiều, lên thì ít. Văn lại có ba: một là nêu việc để hỏi.

Ca-diếp lãnh chỉ, vâng đáp.

Thứ ba là hợp. Có ba: một là hợp quả.

Y cứ theo nhân mà hợp.

Thứ ba là kết luận tri căn lực.

Từ câu: “Bồ-tát Ca-diếp v.v...” trở xuống là ý thứ ba nói về giáo bất định. Phật quán sát căn cơ khác nhau, nên nói giáo có khác, chúng sinh chẳng biết căn giáo khác nhau, nên chấp trước mà gây ra sự tranh luận, dứt mất gốc thiện.

Văn có hai đoạn là hỏi và đáp. Phần hỏi có ba: một là nói về biết căn, hai là nói về tranh chấp, ba là kết luận. Hỏi vì sao nói bất định để

dẫn đến tranh luận. Thứ nhất nói về biết căn.

Lẽ ra cũng nói quá khứ, nhưng vẫn lược bỏ.

Từ câu: “Các chúng sinh ấy v.v...” trở xuống là nói về tranh luận.

Do đây mà tạo ra sự tranh luận. Khai Thiện nói hai mươi việc tranh luận, Dung Thành nói hai mươi một việc.

Từ câu: “Như Thế Tôn v.v...” trở xuống là kết luận nêu câu hỏi, v.v...

Phật đáp ba câu hỏi, trong quyển này đáp hai câu hỏi trước, quyển sau phần đầu đáp câu thứ ba. Đáp câu thứ nhất có hai: Trước là nói về giáo bất định, kế là nói về pháp bất định. Văn thứ nhất lại có bốn: một nói lý sâu khó hiểu; hai, là nói hai người ngu và trí; ba, nói cần nói bất định; bốn, kết luận tri căn lực. Tức là ý bốn Tất-đàn.

Đầu tiên nói lý sâu xa, sáu thức của phàm phu chẳng thể biết, chỉ có Thánh trí mới hiểu được. Đây là ý Đệ nhất nghĩa.

Từ câu: “Nếu đối v.v...” trở xuống là nói ngu trí, trước nói trí, sau nói ngu.

Người trí nghe nói có thì biết không, nghe nói không thì biết có, nghe nói có không thì biết chẳng phải có không, một và hai cũng giống như thế.

Người ngu nghe nói có thì liền chấp có đối lập với không, nghe nói không thì cho là không mà chẳng có, nghe nói vừa có vừa không, thì chấp cả hai cùng tồn tại, nghe nói đều bỏ thì chấp cả hai đều xả. Đối diện nghe mà còn như thế, thì đến đời mạt pháp lâu xa về sau, sẽ không có cách gì hiểu nổi. Đây là nghĩa Đối trị Tất-đàn.

Thứ ba từ câu: “Tất cả v.v...” trở xuống là nói phải thuyết bất định. Văn có pháp, dụ và hợp.

Vì độ chúng sinh nên nói bất định, đó vốn là vì lợi ích, chứ chẳng nên chấp bất định, để xảy ra tranh luận.

Như thầy thuốc dùng thuốc vốn là để trị thiện bệnh, chứ chẳng bao giờ muốn người uống thuốc mà thành bệnh.

Về cõi nước thì có ranh giới đất đai khác nhau, đâu phải chỉ một loại, một loại thì không có lợi ích; Như nước này thời tiết giá lạnh thì đắp chăn nệm, mặc áo da thú. Lúc đói khát chỉ xin được thịt. Ngôn ngữ của người, như Bồ-tát Cửu trụ nói chẳng thấy, Thập trụ nói thấy chút phần. Vì người là tùy theo căn tánh. Đây là ý nghĩa vì người.

Thứ tư là kết luận nói tri căn lực; tức nghĩa Thế giới Tất-đàn. Có bản kinh không có phần kết này, đó là do sót mất.

Từ câu: “Đối với một danh v.v...” trở xuống là nói rộng về pháp bất định. Văn có ba: một là nói về pháp bất định, hai là dẫn chứng, ba là kết luận nói Nhị thừa chẳng biết. Văn thứ nhất có hai: Trước nói danh nghĩa bất định, sau nói rộng lược bất định. Về danh nghĩa, trước là nêu chương sau giải thích.

Trong đây nêu ba chương, nếu muốn đối đãi nhau để luận, thì nên lập sáu câu: Đối một danh mà nói vô lượng danh, nên lập câu: Đối với vô lượng danh mà nói một danh; câu: Đối một nghĩa mà nói vô lượng danh, nên lập câu: Đối vô lượng nghĩa mà nói một danh; câu: “Đối với vô lượng nghĩa nói vô lượng danh, nên lập câu: Đối với vô lượng danh mà nói vô lượng nghĩa. Ở đây văn đã lược, chỉ nêu một bên.

Nêu một từ Niết-bàn mà chứa đựng các danh khác nhau. Đại lượng nói: Niết-bàn là tên chung của tám vị, là gọi chung các đức, ý nghĩa nói này các Sư lại có nhiều cách phiên dịch khác nhau và cũng do đó mà sinh ra tranh luận.

Kế là giải thích một nghĩa nói vô lượng danh.

Nêu Đế Thích, so với sự giải thích ở trước có gì khác? Trước y cứ theo pháp, sau y cứ theo người, trong phần giải thích lại ở dưới thì y cứ theo năm ấm, ở đây thì y cứ theo quả pháp, cũng là một nghĩa mà đặt ra nhiều tên, phân biệt thành nhiều loại, dẫn đến giải thích khác nhau. Vì thế Hà Tây dịch từ Bà tha bà là Hảo Nghiêm Sức, vì khi xưa bố thí y phục tốt đẹp, nên nay được quả báo có y phục đẹp đẽ. Phú-lan-đà dịch là điều phục các căn, tức nói Thiên đế, bên ngoài thì dùng y phục tốt đẹp để trang nghiêm dung mạo, bên trong thì dùng pháp thiện điều phục tâm ý. Ma-khư-bà dịch là Vô Thắng Vô Quá, vì vượt hơn các vị trời. Nhân-đà-la dịch là Quang Minh, vì có ánh sáng rực rỡ nhất. Mắt trời: vì đồng thời biết được một ngàn nghĩa dứt trừ một ngàn việc. Kim Cương: vì thân bền chắc.

Thứ ba là giải thích vô lượng nghĩa nói vô lượng danh.

Đây là y cứ theo Như Lai đầy đủ muôn đức để giải thích, tức là vô lượng nghĩa, mỗi nghĩa một danh thành vô lượng danh. Tám trí có ba cách giải thích: Một là cho rằng thường v.v..., vô thường v.v... là tám; hai là cho rằng bốn đế mỗi đế đều có pháp và dụ thành tám, tức y cứ theo cõi Dục mà nói tức là pháp, nếu theo Sắc và Vô sắc thì đó là Trụ. Các Sư Thành Thật y cứ theo hiện tại mà nói là pháp, theo quá khứ, vị lai mà nói là dụ. Ba là kinh Ưu-bà-tắc giới nêu tám trí, trong đó gồm bảy trí giống như bảy pháp thiện nói trong phẩm Phạm Hạnh, cộng với tri căn là tám.

Thứ tư là từ câu: “Lại có một nghĩa v.v...” trở xuống là giải thích lại hai chương.

Trước y cứ theo Đế Thích chỉ dùng nghĩa Thiện, có vô lượng danh, danh này chẳng chung cho nghĩa ác. Vì muốn nói lên ý này, nên lại y cứ theo năm ấm. Đây là pháp hữu lậu, nên gọi là điên đảo, ấm là cảnh khổ đế, làm cảnh quán của niệm xứ, tức quán sắc bất tịnh, quán thọ khổ, tưởng và hành vô ngã, quán thức vô thường, nên gọi là Bốn niệm xứ. Trừ sắc ấm ra còn bốn ấm kia là bốn thức trụ xứ. Ấm chung cho trong ngoài nên gọi là Bốn thực, vì thông nhau nên gọi là Đạo; từ chỗ thật pháp mà có thời giả danh nên gọi là Thời; vì thể là vô tướng nên gọi là Độ nhất nghĩa; ba tu là phiền não của thân, giới và tâm chính là ở hành ấm, Giải thoát tức là hữu vi Giải thoát, cũng gọi là mười hai nhân duyên, tức lấy năm ấm làm thể của nhân duyên; cũng gọi là Ba thừa, năng thành thân của Ba thừa. Các nghĩa khác đều có thể tự hiểu, chẳng cần phải giải thích v.v...

Từ câu: “Này Thiện nam! v.v...” trở xuống là đoạn hai, nói rộng lược về bất định. Văn có ba: một là nêu chương; hai, là từ câu: “thế nào v.v...” trở xuống là giải thích; ba là kết luận.

Nói Thế đế là Độ nhất nghĩa đế: A dịch là Vô, nhã dịch là trí, nghĩa là Kiêu-trần-như được trí Vô sinh, đây là y theo Thế đế mà nói Độ nhất nghĩa đế, các câu khác có thể tự suy ra mà biết.

Thứ ba, từ câu: “Cho nên v.v...” trở xuống là kết luận. Văn có hai, trước kết luận về bất định.

“Người có trí v.v...” trở xuống, nói người thấp kém chẳng thể biết được.

Từ câu: “Vì sao? v.v...” là nói về người bất định.

Chẳng nói năm việc cho năm hạng người, tức chẳng dùng đối trị mà chỉ dùng vị nhân. Chỉ dạy giới, nhân thiện, tuệ cho người bần sần, còn tự mình thực hành bố thí. Đối với người phá giới thì dạy họ tu Thiền, tuệ, v.v..., còn tự mình giữ giới.

Từ câu: “Vì thế v.v...” trở xuống là dẫn chứng.

“Nói pháp v.v...” trở xuống là đoạn ba, kết luận nói Nhị thừa chẳng thể biết.

Từ câu: “Như lời ông nói v.v...” trở xuống là trả lời câu hỏi thứ hai về tranh luận, chấp chặt. Văn có hai là đáp lược và nói rộng.

Đầu tiên nói giải lược, cũng gọi là Dục lược, là phép biết Dục giải của chúng sinh. Văn lại nói hai năng lực này tức là lực thứ tư căn lực và lực thứ năm giải lực.

Từ câu: “Này Thiện nam! v.v...” trở xuống là phần thứ hai đáp rộng, trong đó nói Phật vì ứng hợp cơ duyên nói có khác nhau, nhưng chúng sinh không hiểu, dẫn đến tranh luận. Có hai mươi một điều: một là nói Niết-bàn và chẳng Niết-bàn, phải giải thích theo Dị bộ: Như Tát-bà-đa y cứ theo sự để nói về rốt ráo Niết-bàn, Đàm-vô-đức và Tăng-kỳ thì y cứ vào lý mà nói về rốt ráo Niết-bàn. Xưa nay các Sư phê bình hai bộ này rằng: Bà-đa thì sai mà đoản, Vô đức thì đúng mà trường” tất cả đều chẳng hợp ý Phật. Văn kinh ghi: “Nếu nói Như Lai rốt ráo Niết-bàn hay chẳng rốt ráo Niết-bàn thì đều là lời gây tranh luận, chẳng đạt được ý ta”; Vì sao lại phê bình mà vọng xếp vào trường đoản. Hà Tây cho rằng rốt ráo là Đoản, chẳng rốt ráo là Trường. Nói đoản trường, chẳng lẽ là đoản trường ư? Mà đó chẳng đoản chẳng trường, năng đoản năng trường. Nói đoản mà chẳng trái với trường, nói trường mà chẳng trái với đoản, đoản trường chẳng trái nhau, đoản trường đều tròn đầy.

Các sư Trung Quán cho rằng Phật tùy cơ mà nói, đâu được cho là đúng sai, mất đi ý Phật. Như thầy thuốc tùy bệnh mà cho thuốc khác nhau. Các đệ tử chẳng hiểu, nên vọng chấp làm mất đi chỉ thú. Đây là lần tranh luận thứ nhất. Văn có hai: Trước là nêu chương.

Kế là giải thích. Văn có hai, một, là giải thích nhất định chấp Niết-bàn; hai là giải thích chấp không Niết-bàn. Văn thứ nhất lại có hai: là giải thích và kết luận.

Đầu tiên, Đức Phật vì năm việc mà nói Niết-bàn: Một là vì các vị tiên; hai là vì lực sĩ; ba là vì Thuần-đà; bốn là vì Tu-bạt; năm là vì vua A-xà-thế. Thứ nhất: Tiên sinh sống ở Hương Sơn, mà nói dẫn truyền đến, tức là do các vị trời truyền đến núi, chỗ ở của các vị tiên, đều chứng quả A-la-hán, nhưng có Quyền có Thật. Vì phá chấp trường, cho nên Phật nói vô trường.

Từ câu: “Ở thành Câu-thi-na-kiệt v.v...” trở xuống là vì lực sĩ.

Từ câu: “Có một người thợ giỏi v.v...” là đoản ba, vì Thuần-đà mà Niết-bàn.

Từ câu: “Trong thành Vương xá v.v...” trở xuống là thứ tư, vì Tu-bạt.

Này Thiện nam! v.v... là thứ năm, vì vua A-xà-thế.

Từ câu: “Bồ-tát có hai hạng” v.v... trở xuống là phần hai, giải thích chấp nhất định chẳng phải Niết-bàn. Văn có hai là giải thích và kết luận.

Vì Bồ-tát giả danh mà nói chẳng Niết-bàn, còn đối với Bồ-tát chân thật thì chẳng nói Niết-bàn, Bồ-tát này biết Như Lai chẳng phải

thường, chẳng phải vô thường, đâu thể chỉ nói thường hoặc vô thường.

Từ câu: “Có các chúng sinh v.v...” trở xuống là đoạn hai, tranh luận. Nói về hữu ngã vô ngã, cần phải khéo nói về các bộ phái: Các Sư Số luận theo bộ Tát-bà-đa nên chỉ nói vô ngã để phá thuyết của ngoại đạo, cho đó là tà ngã, chẳng phải ngã giả danh, một bề nói là vô ngã, tuy nói vô ngã mà rốt cuộc là vô ngã vô thường được nhập đạo, chẳng đồng với ngoại đạo. Các sư luận Thành Thật đồng với bộ Đàm-vô-đức nói có giả ngã, phá thuyết tức ấm lìa ấm của ngoại đạo, nói có Tương tục giả ngã, nhân thành giả ngã, lại nói thật pháp niệm niệm diệt nên không, có giả danh tương tục giả ngã, nhân thành giả ngã. Lại nói thật pháp niệm niệm diệt cho nên vô nghĩa, vì giả danh nối nhau chẳng dứt nên có Ngã. Lại nói Chân đế vô ngã, Thế đế có ngã; ở đây một bề nói có ngã. Hai vị trên đều chẳng đạt được ý Phật nên dẫn đến tranh luận. Chiếu-đề giải thích rằng: Hai văn ấy nói Ngã và Vô ngã là để phá trừ hai bệnh; tức nói có ngã là trừ phá tà vô ngã, chẳng nói giả ngã mà nói vô ngã là để phá tức ngã lìa ngã; người chấp thường thì nói thẳng vào vô ngã cũng chẳng nói giả ngã. Chân Đế hỏi rằng: Nếu ngã vô ngã phá ngã vô ngã, thì có việc ấy chẳng? Nếu trong lý chẳng có ngã và vô ngã thì cũng chẳng thể dùng ngã vô ngã để phá bệnh? Vả lại, trong sinh tử đã dùng ngã vô ngã để phá bệnh, thì trong Niết-bàn lẽ ra cũng nên dùng Thường vô thường để phá bệnh. Nếu trong Niết-bàn chỉ có thường không có vô thường thì trong sinh tử chỉ có vô ngã chẳng có ngã. Như Trung luận nói: “Chư Phật hoặc nói ngã hoặc nói vô ngã, trong thật tướng các pháp chẳng có ngã chẳng phải không có ngã, nên dùng ý này để so sánh giải thích các tranh luận. Văn có hai: Trước nói có ngã, sau nói vô ngã. Thứ nhất lại có hai: trước nói tương tục giả ngã để phá tà vô ngã.

Từ câu: “Một thở nọ, ta v.v...” trở xuống là nói về nhân thành ngã. Văn có hai: Trước nói về nhân thành, sau nói về nhân thành, sở thành.

Văn nói: Ngã tức là tánh, xưa có hai cách giải thích: một cho rằng đó là tánh của Phật tánh, dẫn văn trước nói: “Hai mươi lăm hữu có ngã hay chẳng? v.v...” Hai là cho rằng tánh giả danh là ngã tánh, tánh tức là thể, thể tức là nhân thành. Trong ba giả chỉ có nhân thành là thể tục, đái là dụng. Bên trong là bốn ấm, bên ngoài là bốn đại. Mười hai nhân duyên là tên chung của sắc và tâm; chúng sinh là giả danh tánh. Các thân này là nhân thành giả; Nếu từ đó mà lập nghĩa Phật tánh, thì thân chúng sinh đều do năm ấm mà thành, Phật tánh chính là y cứ theo pháp

tánh của năm ấm trong thân chúng sinh. Ba cõi tức là tâm vương trong năm ấm.

Từ câu: “Công đức v.v...” trở xuống là nói nhân thành, sở thành.

Hạnh nghiệp tức là nhân, trời Tự Tại là quả. Tu nhân được quả. Nói tự tại, chẳng những nêu trời Tự Tại cõi Dục, mà còn nói chung các vị trời. Thế là bốn đường còn lại.

Từ câu: “Một thuở nọ, v.v...” trở xuống là phần thứ hai, nói về vô ngã. Trước là Phật nói, sau là khởi chấp. Thứ nhất lại có ba: 1/ Giả hỏi; 2/ Giả đáp; 3/ Quán vô ngã được lợi ích. Hỏi có ba: 1/ Hỏi về danh, vì sao gọi là ngã?

2/ Hỏi về Thể, tức hỏi ai là ngã?

3/ Hỏi về duyên.

Từ “Bây giờ v.v...” trở xuống là giả đáp. Văn có ba: 1/ Đáp về đại ý chung; 2/ Đáp riêng; 3/ Kết luận không có lợi ích. Thứ nhất có hai ý là nêu chương và giải thích.

Giải thích.

Từ câu: “Như lời ông hỏi v.v...” trở xuống là đáp riêng ba câu hỏi. Đại ý đã đủ đâu cần phải đáp riêng?

Nhưng đầu tiên nói chung về vô ngã, kế đó nói chung về giả danh, giả thể và giả nhân duyên.

Trong giả danh nói là Kỳ, Hà Tây cho rằng: Như người vào thời kỳ khế hợp, ứng thời kỳ mà đến tức là hợp nghĩa, chẳng ứng thời kỳ thì chẳng hợp. Năm ấm hòa hợp thì thành giả danh, nên nói là kỳ. Kế là nêu nghiệp để đáp câu hỏi về Thể, kế là nêu Ái để đáp câu hỏi về duyên.

Nghiệp có công năng thành quả nên có nghĩa là thể, Ái là phiền não nhuận sinh từ nghiệp, lại là nghĩa của duyên.

Từ câu: “Thí như v.v...” trở xuống, kết luận là không.

Hai bàn tay có thể làm phát ra tiếng, âm thanh là dụ cho Thể, vỗ vào nhau là dụ cho Ái.

Từ câu: “Tất cả chúng sinh v.v...” trở xuống là ý thứ hai, nói tức lìa đều không.

Từ câu: “Các ngoại đạo v.v...” trở xuống là phân biệt.

Kinh ghi: “Rốt cuộc chẳng lìa các ấm”, tức ngoại đạo khởi chấp “tức lìa” mà ở đây nói lìa ấm thì không có việc ấy. Có hai cách giải thích: 1/ Vốn đều chấp tức ấm là ngã, không chấp lìa ấm, đối với cỏ cây chấp là ngã; Phật phá tức ấm vô ngã, thì lại chấp lìa ấm có ngã, nay ở văn này còn giữ ý phá nên nói” lìa ấm có ngã thì chẳng đúng”.

Hai, Tiểu thừa cũng có chấp nghĩa tức ấm có ngã, vì thế Phật mới phá, và cũng chẳng được chấp lia ấm có ngã.

Từ câu: “Tất cả chúng sinh v.v...” trở xuống là ý thứ tư, kết luận vô ngã.

Từ câu “Bấy giờ v.v...” trở xuống là ý thứ ba, quán vô ngã được lợi ích.

Lúc bấy giờ, giảng nói như thế thì hợp lý và được lợi ích.

Chấp đắm thành tranh luận.

Từ câu: “Trong kinh v.v...” trở xuống là đoạn ba, tranh luận về có Trung ấm hay không. Bà-sa ghi: Dục-đa-dề sắc-bà nói địa thọ sinh chắc chắn có Trung ấm. Tỳ-bà-sà-bà nói chắc chắn không có Trung ấm. Tát-bà-đa cũng nói chắc chắn có. Các nhà Thành Thật cũng nói có. Lại nêu nghiệp có lợi độn như mâu thuẫn lia khỏi tay, nghiệp ác nặng thì vào thẳng địa ngục, nghiệp thiện mạnh thì sinh về cõi trời cõi người, đều không có Trung ấm. Văn kinh, trước nói chắc chắn có, gồm ba phen, sau nói chắc chắn không, có bốn phen.

Nếu nói có Trung ấm tức có sáu hữu, sáu hữu tức là sáu đường; Phật vì Đế-thích mà trừ Tu-la, Tu-la chỉ là quỷ, nên chỉ có năm đường.

Từ câu: “Ta lại nói v.v...” trở xuống là đoạn tranh luận thứ tư. Các Sư Số Luận nói vô lậu có lui sụt, như Sơ quả kiến đế một bề không lui sụt, tiến thẳng vào Tư duy, hai quả kế dùng Đẳng trí dứt hoặc nên có nghĩa lui sụt, A-la-hán vô lậu, theo lý thì không lui sụt. Hai quả trước lui sụt, kéo dặt A-la-hán lui sụt. Nêu dụ giếng cát, trên dưới đều có gạch khoảng giữa giếng cát, cát đã hư hoại thì gạch phía trên lại sụp xuống. Các sư Thành Thật cho rằng vô lậu chẳng lui sụt, chỉ có thiền định lui sụt. Tức là tu được định Điện quang của cõi Dục, nhưng định này khó an trụ, có lúc lại lui sụt, nên gọi là lui sụt, chứ vô lậu không có lui sụt.

Văn kinh trước nói lui sụt, sau chấp không lui sụt. Thứ nhất lại có ba là pháp, dụ và hợp. Pháp thuyết được chia làm ba: Một là nói chung Tỳ-kheo lui sụt, hai là nói chung về La-hán, ba là nói chung sáu hạng người. Nói chung Tỳ-kheo gồm có hai: một là nói chung.

Kế là nói duyên lui sụt.

Từ câu: “lại có hai thứ, v.v...” trở xuống là nói duyên về La-hán: Đầu tiên là nói La-hán có lui sụt. Kế là nêu riêng về Cù-chi là nghĩa A-la-hán có chết.

Từ câu: “Ta lại nói v.v...” trở xuống là nêu chung sáu người.

Một là lui sụt, hai là chẳng lui sụt, ba là tuệ, bốn là câu, năm là thời, sáu là chẳng phải thời (phi thời). Thời là độn căn để lui sụt, chẳng

phải thời là lợi căn, chẳng lui sụt.

Từ câu: “Trong kinh v.v...” trở xuống là nêu dụ.

Từ câu “Phiền não v.v...” trở xuống là hợp dụ.

Nhân duyên chứa duyên ác bên ngoài.

Bên trong không có nhân ác, thì bên ngoài chẳng thể làm loạn động cho nên chẳng lui sụt.

Từ câu: “Trong kinh ta có nói v.v...” trở xuống là đoạn năm, nói về tranh luận, nói thêm Phật hữu vi vô vi. Tát-bà-đa thì nói là hữu vi, Tăng-kỳ nói là vô vi, luận Thành Thật nói hai bên, vì không lời cho nên vô vi, vì nương vào lời cho nên hữu vi, ứng thân hữu vi, chân thân vô vi.

Trước nói về hữu vi. Hai là nói về vô vi.

Từ câu: “Này thiện nam! Trong kinh v.v...” trở xuống là lần tranh luận thứ sáu; trước nói về chấp, kế là giải thích. Văn thứ nhất, Tát-bà-đa chấp nhân duyên là hữu vi, Tăng-kỳ là vô vi. Hữu vi thì cho rằng nhân quả ba đời trôi lăn vô cùng, há chẳng phải là hữu vi hay sao? Chấp vô vi thì cho rằng lý mười hai nhân duyên là vô vi, tuy nhân quả vô thường mà lý của nó là vô vi. Văn chấp thứ nhất, thứ hai: Trước là chấp hữu vi, kế là chấp vô vi.

Giải thích: Trước nêu chương.

Đầu tiên giải thích câu một: Chẳng từ duyên sinh tức mười hai chi ở vị lai, nhưng vị lai chỉ có hai chi già và chết, vì sao nói mười hai chi? Đối với sự chưa có nhưng dần dần trôi lăn thì sẽ có; tuy chẳng từ duyên, nhưng nghĩa mười hai chi đã đủ, há chẳng phải là vô vi ư? Dùng một câu này để chứng minh cho vô vi, còn ba câu kia nhân tiện mà lập thêm. Giải thích câu hai: Từ duyên sinh mà chẳng phải mười hai nhân duyên tức là vị A-la-hán đã phá hoại ba nhân, không còn sinh tử, tức đã phá mười hai nhân duyên rồi mà thân năm ấm này từ mười hai nhân duyên sinh. Giải thích câu ba câu, bốn rất dễ hiểu.

Từ câu: “Trong kinh ta đã nói v.v...” trở xuống là đoạn bảy, nói về tâm thường, vô thường. Tát-bà-đa nói tâm không nối nhau tức là vô thường, Tăng-kỳ nói tâm có nối nhau tức là thường. Thành Thật dùng nghĩa của Tát-bà-đa. Văn có hai: Trước nói chấp tâm là Thường, sau nói chấp tâm Vô thường.

Nói bốn đại tan hoại, thân này hoại diệt, người làm thiện thì tâm đi lên; tức sinh về cõi nước thiện, lại mang tâm này đến cõi thiện, vậy há chẳng phải là nghĩa thường hay sao? Làm ác cũng giống như thế.

Từ câu: “Trong kinh ta nói v.v...” trở xuống là lần tranh luận thứ

tám, nói về chướng đạo, chẳng chướng đạo.

Tát-bà-đa cho rằng có chướng đạo, Tăng-kỳ nói không chướng đạo, Thành Thật nói có chướng ngại và không chướng ngại.

Từ câu: “Lại nữa trong kinh v.v...” trở xuống là lần tranh luận thứ chín nói Thế đệ nhất ở cõi Dục là chung cho ba cõi. Nếu Tát-bà-đa nói bốn định căn bản của cõi Sắc có khả năng phát khởi Thế đệ nhất, thì Đàm-vô-đức cho rằng hai cõi Dục và Sắc cùng phát khởi năm phương tiện, bất luận nói cõi Vô sắc phát năm phương tiện. Bộ Độc Tử cho rằng cả ba đều phát, khi ở phàm phu đã dùng Đẳng tâm dứt hoặc đến cõi Vô sắc mà sau đó tu vô lậu dứt hoặc đến cõi Vô sắc, nhưng việc dứt hoặc ở trước, tức là phát khởi phương tiện; nên nói cả ba cõi đều phát.

Văn kinh có ba, mỗi phần chấp một cõi.

Kê là từ câu: “Trong kinh ta nói v.v...” trở xuống là lần tranh luận thứ mười, nói về bố thí chung cho cả ba nghiệp hay chẳng chung cho ba nghiệp. Thành Thật cho rằng chỉ ở ý nghiệp, lấy việc xả tài vật tương ưng với Tư làm chánh Thế, cũng dùng thân miệng giúp sức. Tỳ-đàm dùng nghĩa của Tát-bà-đa cho rằng định chung cho ba nghiệp, vì ý nghiệp thiện nên thân miệng cũng thiện.

Văn có hai: trước nêu chấp ở ý, sau nói chung cho năm ấm.

Nói bốn câu như thí chủ tin nhân quả v.v... thì đều nói lên Thí ở ý nghiệp, sau nói về sắc, lực là thuộc thân, biện tài thuộc miệng, mệnh là thuộc ý.

Từ câu: “Một ngày kia v.v...” trở xuống là lần tranh luận thứ mười một, nói về việc có ba vô vi hay không có ba vô vi.

Trong các bộ phái chẳng thấy bộ nào chấp không có ba vô vi, vì sao ở đây có văn này. Điều này cũng có nghĩa như các sư Thành Thật cho rằng ba vô vi đã đồng là vô vi thì đâu có khác thể, đó là chấp không có vô vi. Các sư Số Luận chấp ba vô vi có tự thể riêng, tức có ba loại, tức là chấp có ba vô vi.

Từ câu: “Một ngày kia v.v...” trở xuống là lần tranh luận thứ mười hai có tạo sắc và không có tạo sắc. Tỳ-đàm cho là có, vì bốn đại mới có hình sắc, hiển sắc, còn Thành Thật thì cho là không. Văn có hai: trước nói có, lại có hai: một là nói về bốn đại năng tạo.

Từ câu: “Thí như v.v...” trở xuống là ý thứ hai nêu xanh vàng v.v... là sắc sở tạo, nhẹ nặng, trơn nhám là xúc sở tạo.

Kế là nói không tạo.

Văn này quá lược, vì y cứ theo sự mà nói, phần nhiều do bốn đại mà có nghĩa tạo, cho nên chẳng nói rộng về nghĩa không có sắc sở

tạo.

Từ câu: “Thuở xưa v.v... : “ trở xuống là nói lần tranh luận thứ mười ba, có sắc vô tác và chẳng có sắc vô tác. Tát-bà-đa chắc chắn là vô tác có sắc, Thành luận và Đàm-vô-đức thì chắc chắn vô tác không có sắc, Tăng-kỳ nói chung là vô tác mà chẳng nói là có sắc hay không sắc.

Vấn trước chấp có sắc, chẳng phải nhân quả của dị sắc là tâm; nói vô tác tức chẳng làm nhân cho tâm, chẳng làm quả của tâm, nên biết là sắc. Hà Tây cho rằng: “Chẳng sinh các sắc khác”.

Vấn có hai: Trước nói có, sau nói không.

Từ câu: “Trong kinh ta nói v.v...” trở xuống là lần tranh luận thứ mười bốn, nói về có tâm sở và không có tâm sở. Bộ Tát-bà-đa cho là có Dị thể tâm sở riêng, đồng thời sinh khởi, Tăng-kỳ nói không có tâm sở, Phật-đà-Đề bà nói không có tâm sở dị thể khởi, mà thứ lớp khởi trước là tâm, khởi sau là tâm sở, các Sư Thành Thật thì cũng đồng như trên.

Vấn có hai: Trước nói không có tâm sở, sau nói có tâm sở. Thứ nhất lại có hai: một, là nêu mười hai nhân duyên của bậc thánh.

Kế là nói mười hai nhân duyên của phàm phu. Văn có hai: Một, là nói pháp sau tức pháp trước; Hai, là nói pháp trước tức pháp sau, đã tương tức thì một, nên không có tâm sở; văn thứ nhất có thể xét rõ.

Từ câu: “Từ thọ v.v...” trở xuống là nói pháp trước sinh pháp sau.

Nên xét kỹ, trong đây nói Thọ có chỗ cho rằng đó là chi ở đời vị lai, chứ chẳng phải chi ở đời hiện tại. Từ câu: “Trong kinh ta có nói, v.v...” trở xuống là ý thứ hai chấp có tâm sở.

Cũng y cứ theo năm ấm, mười hai nhân duyên để nói về tướng trạng, rất dễ thấy được. Tuy có sinh nhau mà chẳng tức nhau, nên có tâm sở khác nhau riêng.

Từ câu: “Hoặc có lúc v.v...” trở xuống là lần tranh luận thứ mười lăm, nói về năm hữu, sáu hữu.

Các bộ phận nhiều nói năm đường, chỉ có bộ Độc tử nói sáu đường. Thích Luận cũng nói sáu, nhưng đường Tu-la thì Bà-sa nói có hai cách giải thích: 1/ Cho rằng thuộc cõi trời; 2/ Cho rằng thuộc quỷ thần.

Nói một hữu là chung cho một hữu vi. Nay nói thêm rằng: “Gọi chung hai mươi lăm Hữu chỉ trong một Hữu, nói chung tức là ba đường thấp cũng chỉ chung cho một Hữu, chẳng giống như cõi trời và người mỗi cõi chia ra làm nhiều hữu, như cõi người có bốn, cõi trời có mười bảy. Nói hai tức nhân quả, thiện ác; nói ba tức ba cõi, nói bốn tức bốn

loài sinh; năm tức năm đường, sáu là sáu đường, bảy tức bảy thức xứ. Hà Tây cho rằng năm đường cộng với sắc và vô sắc thành bảy. Nói tám tức tám phước, Hà Tây cho rằng sáu đường cộng với Sắc, Vô sắc là thành tám phước, điều này chẳng đúng vì ba đường làm sao gọi là phước? Nói chín tức chín loài chúng sinh, hai mươi lăm tức hai mươi lăm hữu, Hà Tây cho rằng chín gồm có tám thiên và cõi Dục.

Từ câu: “Khi xưa v.v...” trở xuống là lần tranh luận thứ mười sáu nói về năm giới, tám giới, đầy đủ và chẳng đầy đủ. Tát-bà-đa cho rằng thọ đủ mới được, Thành Thật cho rằng chẳng đủ cũng được, như kinh Ưu-bà-tắc Giới nói nếu chỉ thọ Ba quy y mà chưa thọ một giới nào thì gọi là Vô phần Ưu-bà-tắc, cứ như thế mà gọi là nhị phần, đa phần, mãn phần. Như Trạch Châu giải thích: thọ đủ cả năm giới, nhưng chỉ giữ được một, hai thì gọi là nhất phần, nhị phần.

Văn có hai: Trước nói năm giới chẳng đủ, sau nói tám giới đầy đủ, nhưng lại cùng nêu ra.

Từ câu: “Lại trong kinh v.v...” trở xuống là lần tranh luận thứ mười bảy, nói về phạm giới trọng có mất và chẳng mất. Tỳ-đàm quyển bốn nói có phạm giới trọng, xả tức mất giới, cho nên Tỳ-đàm cho rằng: Điều ngự luật nghi giới có năm thời xả: Một là tà kiến tăng mạnh, hai là pháp diệt tận, ba là mạng căn bị cắt đứt, bốn là phạm giới trọng, năm là bỏ đạo. Như Tạp Tâm Tỳ-đàm lại có tăng và giảm, và cho đó là làm ô uest giới; trừ pháp diệt tận xả và phạm trọng cấm xả, đồng thời nói hai việc trên chẳng phải là xả mất giới, lại thêm hai căn sinh và chẳng nhập số chúng, cho rằng các thời xả này chẳng thuộc ni giới. Các bộ phái khác phần nhiều đều nói là chẳng mất giới.

Văn có hai: Đầu tiên chắc chắn mất giới, kế là chấp chẳng mất. Đạt đến đạo đức chân vô lậu chỉ bày đạo tức tương tự vô lậu, thọ đạo tức trí giới, ô uest đạo tức phạm giới.

Từ câu: “Trong kinh ta có nói, v.v...” trở xuống là lần tranh luận thứ mười tám về một Thừa và ba Thừa. Trong các Bộ phái đều không có loại chấp này, vì sao? Vì một hay ba đều là Đại thừa lập ra, chứ chẳng phải cảnh giới của các bộ phái, cho nên không chấp nghĩa này.

Văn kinh nói một thừa, một đạo, một nhân v.v... đồng thời nói: Chẳng hiểu được ý ta v.v... thí như kinh Pháp Hoa nói rõ về một thừa, một đạo, tức biết được ba Thừa đều quy về một lý tức là thừa này, vì sao lại nói chẳng phải?

Giải thích rằng: Văn kinh ở trước có nói: “Nếu đạt được hai chữ Thường trụ thì chẳng đọa đường ác”, văn này lại nói: “Chấp Thường

thì chẳng hiểu ý Phật” như thế đâu khác gì chấp một thừa, một đạo thì chẳng hiểu được ý Phật? Hơn nữa nếu nói Ba thừa đồng quy một thừa, được thành Phật, thì vì sao Đại Luận có câu hỏi rằng: “Thanh văn có thành Phật hay không? Luận chủ đáp: “Việc này chẳng thể luận bàn mà biết được”. Nếu thế thì đâu thể nói đồng quy về một lý là đúng.

Vấn có hai: Trước nói đều được Phật đạo tức là một thừa. Sau nói chẳng được, tức là ba nghiệp.

Nói A-la-hán có hai loại: Hiện tại và vị lai, hiện tại thì đã dứt, vị lai chẳng sinh.

Từ câu: “Trong kinh ta v.v...” trở xuống là phần luận nghị thứ mười chín, nói về Phật tánh lia chúng sinh, tức chúng sinh. Các bộ cũng không có chấp này, mà là chỗ chấp tức lia của các nhà cận đại. Đương quả và chân thân tức lia chúng sinh mà có, tâm và chúng sinh tức chúng sinh mà có, cả hai đều chẳng đạt được ý Phật.

Vấn có hai: Trước nêu sáu việc và ba vấn đề nói về lia. Sau nói chúng sinh tức là Phật tánh.

Từ câu: “Vì nhân duyên ấy v.v...” trở xuống là đoạn luận tranh thứ hai mươi, nói về phạm bốn giới trọng, có Phật tánh và không có Phật tánh. Khai Thiện cho rằng có hai mươi đoạn, đoạn này thuộc về nghĩa Phật tánh tức lia của đoạn mười chín. Dung Thành cho rằng có hai mươi một đoạn, đây là đoạn hai mươi, đâu thể nói là thuộc đoạn trước, đoạn trước tức chúng sinh, lia chúng sinh; ở đây nói về gây ra năm tội nghịch, phạm bốn giới trọng có hay không có Phật tánh; vậy đâu thể nói là đồng? Cho nên biết hai đoạn khác nhau.

Từ câu: “Trong kinh, ở nhiều đoạn v.v...” trở xuống là đoạn tranh luận thứ hai mươi một về việc có mười phương Phật hay không? Tát-bà- đa nói không có, Tăng-kỳ nói có, Thành Thật nói rằng ở một thế giới thì không, đối với nhiều thế giới thì có.

